

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH TƯỜNG
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2018/HS-ST
Ngày: 16-3-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH TƯỜNG - TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Minh Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Đường Tăng

Ông Phùng Văn Thông

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Ông Đặng Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 09/2018/HSST ngày 12 tháng 02 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2018/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 3 năm 2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Thành N sinh ngày 16 tháng 6 năm 1995; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đ - xã Đ - huyện B - thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt N; con ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị H; vợ con chưa có; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 15/10/2017 đến ngày 19/10/2017 chuyển tạm giam đến ngày 01/02/2018 được tại ngoại (có mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Duy T, sinh năm 1995 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn A, xã Y, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc

2. Anh Đỗ Văn P, sinh năm 1997 (vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn N, thị trấn T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ ngày 14/10/2017, Nguyễn Thành N trú tại thôn Đ, xã Đ, huyện B, thành phố Hà Nội, Nguyễn Duy T trú tại thôn A, xã Y, huyện S và Hoàng Lê K trú tại thị trấn V đang ngồi chơi tại quán làm móng tay của chị Vi Hà M (trú tại xã A, huyện S, tỉnh Bắc Giang) ở tổ dân phố Đ, thị trấn V thì T nhận được điện thoại từ số thuê bao 0968.304.334 của Đỗ Văn Pg trú tại thị trấn T, huyện V gọi đến số điện thoại 0966.385.520 của T. P nói với T “Bạn biết chỗ nào bán ma túy đá không mua giúp tôi 1.000.000đ”, T nói “Tôi không biết để tôi hỏi xong có gì tôi gọi lại”. T quay sang hỏi N “Anh biết chỗ nào bán ma túy không mua hộ bạn em 1.000.000đ”, N nói “Được em cứ bảo bạn em đem tiền đến đây anh đi mua hộ cho”. Nghe N nói vậy T định gọi điện cho P để bảo P đem tiền đến thì P tiếp tục gọi điện cho T nên T nói luôn với P “Tôi nhờ được người mua hộ ma túy cho bạn rồi, bạn đem tiền xuống ngã tư thị trấn V đưa cho tôi đi”. Lúc này K cũng nhờ N mua hộ 800.000đ tiền ma túy N đồng ý cầm 800.000đ K đưa cất vào túi quần đang mặc. Sau đó N, T, K đi bộ ra ngã tư thị trấn V thì gặp P đi xe mô tô đến, tại đây P đưa cho T 1.000.000đ T cầm tiền rồi đưa lại cho N. N cầm tiền T đưa cất vào túi quần đang mặc sau bảo K gọi xe taxi cho N thì K đồng ý và sử dụng điện thoại Iphone 6 có số thuê bao 0961.106.072 gọi anh Đỗ Quang N (lái xe taxi hãng B) trú tại thị trấn T, huyện V có số thuê bao 0962.321.271 thuê anh N chở đi anh N đồng ý. Anh N điều khiển xe taxi biển kiểm soát 88A-116.85 đến ngã tư thị trấn V thì N và T lên xe taxi. N bảo anh N chở đến khu vực chợ N thuộc phường N, thị xã S, thành phố Hà Nội để mua ma túy nhưng N không nói cho anh N biết. Trên đường đi N sử dụng chiếc điện thoại Iphone 6 bên trong lắp số thuê bao 0961.106.072 N mượn được của K trước khi lên xe taxi để gọi điện vào số thuê bao 0969.087.595 của một người phụ nữ tên T, sinh năm 1968 ở phố P, phường N, thị xã S, thành phố Hà Nội hỏi mua của T 1.800.000đ ma túy. T đồng ý hẹn N đến nhà để giao dịch mua bán ma túy, sau đó anh N chở N và T đi theo sự chỉ dẫn của N đến đầu ngõ nhà T thì N bảo anh N dừng lại. N xuống xe bảo anh N đợi ở đầu ngõ rồi N đi bộ vào trong ngõ, khi đi đến nhà T, N gọi cửa thì T đi từ trong nhà ra. Tại đây, N mua của T 01 gói ma túy bọc bên ngoài bằng nilon màu trắng với giá 1.800.000đ, N xin của T hai vỏ túi nilon màu trắng mục đích để chia ma túy. Sau khi mua được ma túy N đi ra

xe taxi bảo anh N chở về huyện V, khi ngồi trên xe đi về huyện V N ngồi ở hàng ghế sau và lấy túi ma túy vừa mua được chia một ít ma túy trong túi ra một túi nilon khác để đưa cho T. Khi chia xong N thấy lượng ma túy trong túi nilon định đưa cho T nhiều nên đã san bớt một ít ma túy từ túi nilon này sang túi nilon khác rồi mới đưa cho T. T cầm túi ma túy N đưa cất vào túi quần đang mặc, N cất hai túi ma túy đá vào túi quần đem về đưa cho K. Trên đường về P gọi điện cho T bảo đi về quán Karaoke X9 thuộc xóm Đ, xã T, huyện V đưa ma túy cho P. T đồng ý bảo anh N chở T, N đến quán Karaoke X9 anh N chở N, T đến quán Karaoke X9 thì N, T xuống xe thì bị Công an huyện Vĩnh Tường kiểm tra bắt quả tang N và T đang có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy vật chứng thu giữ gồm:

- Thu tại túi quần bên phải phía trước Nguyễn Duy T đang mặc một túi nilon màu trắng bên trong chứa các hạt tinh thể dạng đá màu trắng, T khai nhận đó là ma túy tổng hợp dạng đá của T mua hộ cho P với giá 1.000.000đ, tang vật được niêm phong vào một phong bì thư ký hiệu A1. Thu tại túi quần bên trái phía trước Nguyễn Duy T đang mặc một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu đồng đen đã cũ.

- Thu tại túi quần bên phải phía trước Nguyễn Thành N đang mặc hai túi nilon màu trắng, bên trong mỗi túi đều chứa các hạt tinh thể dạng đá màu trắng N khai nhận đó là hai túi ma túy tổng hợp dạng đá của N, N mua hộ cho K với giá 800.000đ, tang vật được niêm phong vào một phong bì thư ký hiệu A2. Thu trong túi quần bên trái phía trước Nguyễn Thành N đang mặc một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu đồng trắng đã cũ, một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Blackberry màu đen trắng đã cũ và 1.600.000đồng.

Ngày 15/10/2017 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Vĩnh Tường đã ra Quyết định trưng cầu giám định tang vật thu giữ của Nguyễn Duy T, Nguyễn Thành N đến phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc để giám định xác định trọng lượng và loại ma túy trong mẫu vật ký hiệu A1 và A2.

Tại bản kết luận giám định số 1236/KLGD ngày 18/10/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Vĩnh Phúc kết luận: Tinh thể dạng đá của mẫu ký hiệu A1 gửi giám định là ma túy lẫn tạp chất, có khối lượng (trọng lượng) là 0,7616g (Không phải bảy sáu một sáu gam, không kể bao bì) loại Methamphetamine. Khối lượng (trọng lượng) Methamphetamine có trong 0,7616 gam mẫu là 0,5499 gam (Không phải năm bốn chín chín gam).

Tình thể dạng đá của mẫu ký hiệu A2 gửi giám định là ma túy lẫn tạp chất, có khối lượng (trọng lượng) là 1,6065g (Một phẩy sáu không sáu năm gam, không kể bao bì) loại Methamphetamine. Khối lượng (trọng lượng) Methamphetamine có trong 1,6065 gam mẫu là 1,1482 gam (Một phẩy một bốn tám hai gam).

Hoàn trả trực tiếp đối tượng giám định còn lại sau giám định cho cơ quan trung cầu gồm: A1 = 0,6052 gam mẫu, A2 = 1,3909 gam mẫu cùng toàn bộ bao gói được niêm phong trong một bao gói giấy “MẪU TRẢ” trên giáp lai có chữ ký của người giám định và hình dấu tròn màu đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc.

Ngày 09/11/2017 Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Vĩnh Tường đã ra Lệnh thu giữ thư tín, điện tín, bưu kiện, bưu phẩm số 07 và đã có công văn phối hợp điều tra gửi Chi nhánh Viettel Vĩnh Phúc hợp tác cung cấp danh sách cuộc gọi đi, cuộc gọi đến, cuộc gọi nhỡ, tin nhắn đi, tin nhắn đến trong ngày 14/10/2017 đồng thời cung cấp họ tên và địa chỉ của chủ thuê bao 0969.087.595.

Ngày 13/11/2017 Tập đoàn viễn thông Quân đội Viettel có công văn phúc đáp nêu: Chủ đăng ký số thuê bao là Tô Văn Trung, sinh ngày 01/01/1996 trú tại phường Quang Trung, thị xã Sơn Tây thành phố Hà Nội có số CMTND 017379866. Tại thời điểm kiểm tra số liệu, hệ thống không còn lưu nội dung tin nhắn của số điện thoại trên trong ngày 14/10/2017 (có bảng kê chi tiết các cuộc gọi của số điện thoại 0969.087.595 kèm theo).

Tại bản Cáo trạng số 14/CT-VKS-VT ngày 12 tháng 02 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường đã truy tố bị cáo Nguyễn Thành N về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung theo Luật số 12/2017/QH 14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Nguyễn Thành N và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Thành N từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án và được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 15 tháng 10 năm 2017 đến ngày 01 tháng 02 năm 2018, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với Nguyễn Thành N.

Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tịch thu tiêu hủy 1,9961 gam mẫu và toàn bộ bao gói do cơ quan giám định hoàn trả sau giám định. Tịch thu bán phát mại sung quỹ Nhà nước 01 chiếc điện thoại Samsung màu đồng đã cũ thu giữ của Nguyễn Duy T là P tiện T dùng để trao đổi với P về việc mua hộ ma túy.

Trả lại cho Nguyễn Thành N số tiền 1.600.000đ là tài sản hợp pháp của N nhưng cần tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án.

Xác nhận cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Vĩnh Tường đã trả lại cho ông Nguyễn Văn T 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Blackberry màu đen trắng đã cũ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Khoảng 22 giờ ngày 14/10/2017 Nguyễn Thành N, Nguyễn Duy T và Hoàng Lê K ngồi chơi tại quán làm móng tay của chị Vi Hà M ở tổ dân phố Đ, thị trấn V thì T nhận được điện thoại của Đỗ Văn P. P nói “Bạn biết chỗ nào bán ma túy đá không mua giúp tôi 1.000.000đ”, T nói “Tôi không biết để tôi hỏi xong có gì tôi gọi lại”. T quay sang hỏi N “anh biết chỗ nào bán ma túy không mua hộ bạn em 1.000.000đ”, N nói “Được em cứ bảo bạn em đem tiền đến đây anh đi mua hộ cho”. Sau K cũng nhờ N mua hộ 800.000đ ma túy, N đồng ý cầm 800.000đ cất vào túi quần đang mặc. N cùng T, K đi bộ ra ngã tư thị trấn V thì gặp P, P đưa cho T 1.000.000đ T cầm tiền đưa lại cho N. N cất tiền vào túi quần đang mặc bảo K gọi xe taxi K đồng ý gọi anh Đỗ Quang N (lái xe taxi hãng B) thuê anh N chở đến chợ Nghệ phường Ngô Quyền thị xã Sơn Tây thành phố Hà Nội để đi mua ma túy (N không nói cho anh N biết). Trên đường đi N sử dụng chiếc điện thoại mượn được của K gọi điện cho một người phụ nữ tên là Thủy ở phố Phùng Hưng, phường Ngô Quyền thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội hỏi mua 1.800.000đ tiền ma túy. Thủy đồng ý hẹn N đến nhà để giao dịch mua bán ma túy, anh N chở N, T đến đầu ngõ nhà Thủy thì N bảo anh N dừng lại, N xuống xe bảo anh N đợi ở đầu ngõ rồi đi bộ vào nhà Thủy mua 01 gói ma túy bọc bên ngoài bằng nilon màu trắng với giá 1.800.000đ, N xin Thủy hai vỏ túi nilon để chia ma túy. Sau khi mua được ma túy N ra xe taxi bảo anh N chở về huyện Vĩnh Tường, khi ngồi trên xe N lấy túi ma túy

chia một ít ma túy trong túi ra một túi nilon khác để đưa cho T. T cầm túi ma túy cất vào túi quần đang mặc N cất hai túi ma túy vào túi quần đem về đưa cho K, trên đường về P gọi điện cho T bảo đi về quán Karaoke X9 xã T, huyện V đưa ma túy cho P. T đồng ý bảo anh N chở đến quán Karaoke X9 anh N chở N, T đến quán sau đó N, T xuống xe thì bị Công an huyện Vĩnh Tường bắt quả tang N, T đang tàng trữ trái phép chất ma túy loại Methamphetamine. Quá trình điều tra xác định túi ma túy Methamphetamine thu giữ của T có khối lượng là 0,7616gam, có trọng lượng Methamphetamine là 0,5499 gam. Túi ma túy Methamphetamine thu giữ của N có khối lượng là 1,6065gam, có trọng lượng Methamphetamine là 1,1482 gam do N mua hộ cho T để T mua hộ cho P mà có. Do đó, tổng trọng lượng ma túy Methamphetamine lẫn tạp chất Nguyễn Thành N đã tàng trữ là 2,3681gam. Mặt khác mục đích N mua ma túy cho K, T là do N biết chỗ mua hơn nữa vì nể nang nên N đã nhận lời mua hộ ma túy cho K, T và N không được hưởng lời gì từ việc mua ma túy cho K, T.

Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, kết luận giám định cùng vật chứng của vụ án đã thu được và các tài liệu khác có trong hồ sơ. Như vậy có đủ cơ sở để kết luận bị cáo đã phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" được quy định tại khoản 1 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999 thì khung hình phạt áp dụng đối với người phạm tội là từ "hai năm đến bảy năm". Tuy nhiên khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung theo Luật số 12/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội thì khung hình phạt áp dụng đối với người phạm tội là từ "một năm đến 05 năm" sẽ có lợi hơn cho người phạm tội so với quy định tại khoản 1 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999. Do vậy căn cứ điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 05/7/2017 của Quốc hội về việc hướng dẫn thi hành Bộ luật hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi bổ sung) và khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 12/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội thì hành vi của Nguyễn Thành N đã phạm vào tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự ghi: “Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

"a).....c)Methamphetamine có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam”.

[2]. Xét tính chất vụ án thấy nghiêm trọng, tuy N không nghiện ma túy nhưng N biết chỗ mua hơn nữa vì nể nang nên N đã đi mua ma túy hộ Nguyễn Duy T, Hoàng Lê K. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội gây mất trật tự trị an và an toàn xã hội. Mua bán, sử dụng, tàng trữ trái phép chất ma túy làm cho nhiều gia đình bại sản về kinh tế. Từ nghiện hút ma túy dẫn đến không có tiền sinh ra trộm cắp... Đảng và Nhà nước có nhiều chủ trương chính sách để loại bỏ ma túy ra khỏi xã hội nhưng N vẫn đi mua ma túy hộ T và K. Như vậy N rất coi thường pháp luật vì vậy phải xử phạt nghiêm minh nhằm giáo dục và phòng ngừa chung.

[3]. Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng, khi phạm tội bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa đã thành thật khai báo, đã tỏ ra ăn năn hối hận nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Do vậy, Hội đồng xét xử sẽ xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật và yên tâm cải tạo.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Theo khoản 5 Điều 249 của Bộ luật hình sự quy định: "Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản". Bản thân bị cáo đi mua ma túy hộ T và K lẽ ra phải phạt tiền đối với bị cáo nhưng xét thấy bị cáo không có việc làm sống phụ thuộc vào bố mẹ, không có tài sản riêng nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5]. Về nguồn gốc ma túy thu giữ của N và T, N khai mua của một người phụ nữ tên Thủy, sinh năm 1986 ở phường Ngô Quyền thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội. Quá trình điều tra cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Vĩnh Tường xác định có đối tượng Đặng Thu T như trên. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Vĩnh Tường đã triệu tập T nhiều lần nhưng T không có mặt ở địa P nên chưa làm việc được. Mặt khác căn cứ vào kết quả thu giữ điện tín xác định chủ số thuê bao 0969.087.595 (N khai nhận là của T) là của Tô Văn T, sinh ngày 01/01/1996 trú tại phường Q, thị xã S, thành phố Hà Nội có số CMTND 017379866. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Vĩnh Tường đã xác minh tại phường Q, thị xã S, thành phố Hà Nội nhưng không xác định được ai có tên là Tô Văn T như trên. Do vậy cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Vĩnh Tường tiếp tục xác minh khi nào có căn cứ sẽ xử lý theo quy định.

[6]. Đối với số ma túy thu giữ trên người N, quá trình điều tra N khai nhận số ma túy này N mua hộ cho Hoàng Lê K trú tại thị trấn Vĩnh Tường với giá 800.000đ, nhưng trong quá trình điều tra cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Vĩnh Tường đã triệu tập K nhiều lần nhưng K không có mặt ở địa P nên chưa làm việc được. Đồng thời tại cơ quan điều tra Nguyễn Duy T khai nhận khi T nhờ N mua hộ ma túy thì T không biết K có nhờ N mua hộ ma túy hay không. Do vậy cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Vĩnh Tường tiếp tục điều tra khi nào làm rõ xử lý sau.

Đối với chiếc điện thoại Iphone 6 lắp số thuê bao 0961.106.072 thu giữ của Nguyễn Thành N, N khai đây là chiếc điện thoại N mượn của Hoàng Lê K để liên lạc hỏi mua ma túy của Thủy. Quá trình điều tra xác định số thuê bao trên đăng ký chính chủ là Bùi Tiến D, sinh năm 1998 trú tại thị trấn V, huyện V nhưng trong quá trình điều tra cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Vĩnh Tường chưa triệu tập làm việc được với Hoàng Lê K và Bùi Tiến D nên tiếp tục điều tra, xác minh khi nào làm rõ sẽ xử lý sau.

[7]. Đối với Đỗ Văn P là người nhờ Nguyễn Duy T mua hộ ma túy, sau đó T lại nhờ Nguyễn Thành N mua hộ ma túy cho P nhưng gói ma túy N mua hộ cho T, P là loại ma túy Methamphetamine lẫn tạp chất có trọng lượng 0,7616g (trong đó trọng lượng Methamphetamine là 0,5499g). Theo thông tư liên tịch số 17/2017/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP ngày 24/12/2017 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao- Bộ công an- Tòa án nhân dân tối cao- Bộ tư pháp Hướng dẫn áp dụng một số quy định tại chương XVIII “ Các tội phạm về ma túy” của Bộ luật Hình sự năm 1999 tại mục 3.6 thì hành vi của Đỗ Văn P, Nguyễn Duy T không cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999. Do vậy ngày 01/11/2017 Công an huyện Vĩnh Tường đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với P, T mỗi người 1.000.000đồng là phù hợp.

Đối với anh Đỗ Quang N là người lái xe taxi chở N, T đi mua ma túy nhưng quá trình điều tra xác định anh N không biết việc N, T thuê anh chở đi để mua ma túy, nên cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Vĩnh Tường không đề cập xử lý nhưng phải nhắc nhở để anh N rút kinh nghiệm.

Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Blackberry màu đen trắng đã cũ thu giữ của Nguyễn Thành N, quá trình điều tra xác định chiếc điện thoại này là tài sản hợp pháp của ông Nguyễn Văn T (bố N). N mượn của ông T chiếc điện thoại này để làm P tiện liên lạc hàng ngày và không sử dụng vào việc mua bán, tàng trữ

trái phép chất ma túy nên ngày 12/01/2018 cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Vĩnh Tường đã trả lại cho ông T chiếc điện thoại trên là phù hợp.

[8]. Về xử lý vật chứng: Đối với chiếc điện thoại Samsung màu đồng đã cũ của Nguyễn Duy T, quá trình điều tra xác định T đã sử dụng chiếc điện thoại này liên lạc với Đỗ Văn P để trao đổi mua hộ ma túy cho P nên cần tịch thu bán phát mại sung công quỹ Nhà nước.

Đối với số tiền 1.600.000 đồng thu giữ của Nguyễn Thành N, quá trình điều tra xác định đây tài sản hợp pháp của N nên cần trả lại cho N nhưng tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án.

Tịch thu tiêu hủy 0,6052 gam mẫu (A1) và 1,3909 gam mẫu (A2) cùng toàn bộ bao gói do cơ quan giám định hoàn trả sau giám định.

[9]. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thành N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249 điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015; Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thành N phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành N 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án nhưng được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 15 tháng 10 năm 2017 đến ngày 01 tháng 02 năm 2018.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tịch thu, bán phát mại sung công quỹ Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu đồng (đã cũ) thu giữ của Nguyễn Duy T.

Trả lại cho Nguyễn Thành N số tiền 1.600.000 đồng nhưng tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án.

Tịch thu tiêu hủy 0,6052 gam mẫu (A1) và 1,3909 gam mẫu (A2) cùng toàn bộ bao gói do cơ quan giám định hoàn trả sau giám định. (Theo biên bản giao vật

chứng, tài sản ngày 21/02/2018 giữa Công an huyện Vĩnh Tường và Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Tường).

Bị cáo Nguyễn Thành N phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Nguyễn Duy T, anh Đỗ Văn P vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Vĩnh Tường;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Công an huyện Vĩnh Tường;
- CCTHADS huyện Vĩnh Tường;
- Bị cáo N;
- Anh T, anh P;
- Lưu hồ sơ + văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đỗ Thị Minh Bình